

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 16/12/2023

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT2855	Nguyễn Thị Lan Anh	21/08/2000	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	Đạt	
2	CNTT2856	Nguyễn Minh Chí	19/03/1988	Bắc Giang	Nam	7,5	8,5	Đạt	
3	CNTT2857	Nguyễn Thị Chi	19/11/1977	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	Đạt	
4	CNTT2858	Nguyễn Thị Phương Dung	28/11/1981	Hà Nội	Nữ	7,5	7,5	Đạt	
5	CNTT2859	Nguyễn Văn Duy	01/09/1988	Bắc Giang	Nam	8,2	8,5	Đạt	
6	CNTT2860	Phạm Văn Đờm	28/02/1974	Bắc Giang	Nam	7,5	7,0	Đạt	
7	CNTT2861	Trương Mạnh Hà	23/10/1977	Bắc Giang	Nam	7,7	8,0	Đạt	
8	CNTT2862	Nguyễn Thị Hạnh	15/07/1976	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,5	Đạt	
9	CNTT2863	Nguyễn Thị Hiệp	05/07/1986	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	Đạt	
10	CNTT2864	Nguyễn Thị Minh Hiếu	10/05/1983	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	Đạt	
11	CNTT2865	Phạm Ngọc Hiếu	04/10/1991	Bắc Giang	Nam	8,0	8,0	Đạt	
12	CNTT2866	Nguyễn Khánh Hòa	23/05/1992	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	Đạt	
13	CNTT2867	Nghiêm Thu Hồng	25/08/1990	Bắc Giang	Nữ	7,2	7,0	Đạt	
14	CNTT2868	Trần Thị Hồng	18/07/1991	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	Đạt	
15	CNTT2869	Trần Thị Ánh Hồng	17/10/1993	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	Đạt	
16	CNTT2870	Vũ Cao Khải	22/09/1975	Bắc Giang	Nam	7,5	7,5	Đạt	
17	CNTT2871	Nguyễn Đức Kiên	26/09/1981	Bắc Giang	Nam	7,5	8,0	Đạt	
18	CNTT2872	Tạ Thị Linh	02/12/1976	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,5	Đạt	
19	CNTT2873	Nguyễn Thị Loan	08/07/1987	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
20	CNTT2874	Nguyễn Thị Thanh	Loan	25/09/1987	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	Đạt	
21	CNTT2875	Trần Thị Thanh	Loan	18/12/1991	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	Đạt	
22	CNTT2876	Trương Đức	Mến	29/12/1978	Bắc Giang	Nam	7,5	8,0	Đạt	
23	CNTT2877	Diêm Thị Thương	Thảo	20/05/1985	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,5	Đạt	
24	CNTT2878	Tổng Thị Như	Thuyết	25/11/1986	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	Đạt	
25	CNTT2879	Tạ Thị	Hương	02/02/1989	Bắc Giang	Nữ	8,2	8,0	Đạt	
26	CNTT2880	Trần Thị	Luyến	18/10/1991	Bắc Giang	Nữ	8,2	8,0	Đạt	
27	CNTT2881	Phan Như	Ngà	24/09/1990	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	Đạt	
28	CNTT2882	Ngô Thị	Ngân	03/02/1991	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,0	Đạt	
29	CNTT2883	Trần Hoài	Ngọc	18/03/2001	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	Đạt	
30	CNTT2884	Nguyễn Văn	Nhân	20/10/1975	Bắc Giang	Nam	7,5	7,5	Đạt	
31	CNTT2885	Nguyễn Thị	Nhu	13/04/1979	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	Đạt	
32	CNTT2886	Vũ Thị	Ninh	15/10/1980	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	Đạt	
33	CNTT2887	Nguyễn Vũ Hoàng	Phước	30/04/1992	Nghệ An	Nam	7,7	7,0	Đạt	
34	CNTT2888	Nguyễn Đình	Phương	20/10/1968	Bắc Giang	Nam	7,5	7,0	Đạt	
35	CNTT2889	Diêm Thị	Quyên	07/12/1991	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,0	Đạt	
36	CNTT2890	Hoàng Thị	Quyên	11/06/1989	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	Đạt	
37	CNTT2891	Thân Thị	Quyên	26/10/1974	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	Đạt	
38	CNTT2892	Nguyễn Văn	Quyết	21/01/1989	Thái Bình	Nam	8,2	8,0	Đạt	
39	CNTT2893	Nguyễn Thị	Sen	15/12/1985	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,5	Đạt	
40	CNTT2894	Lê Thị Minh	Tâm	04/10/1982	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	Đạt	
41	CNTT2895	Nguyễn Ngọc	Tân	01/09/1982	Hải Dương	Nam	8,0	7,0	Đạt	
42	CNTT2896	Nguyễn Văn	Thành	09/02/1978	Bắc Giang	Nam	7,5	7,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
43	CNTT2897	Đặng Thị	Thao	16/12/1990	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	Đạt	
44	CNTT2898	Vũ Thị	Thảo	28/08/1976	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	Đạt	
45	CNTT2899	Nguyễn Thị	Thu	24/05/1978	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	Đạt	
46	CNTT2900	Nguyễn Công	Tur	05/09/1986	Bắc Giang	Nam	8,0	7,0	Đạt	
47	CNTT2901	Ngô Thị	Vững	06/09/1976	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,5	Đạt	
48	CNTT2902	Dương Văn	Xuân	19/06/1988	Bắc Giang	Nam	8,2	7,0	Đạt	
49	CNTT2903	Đỗ Thị	Xuyến	10/10/1987	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	Đạt	
50	CNTT2904	Lương Thị	Ánh	12/06/1991	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	Đạt	
51	CNTT2905	Trần Thị	Chinh	04/04/1973	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	Đạt	
52	CNTT2906	Hoàng Văn	Độc	10/09/1992	Bắc Giang	Nam	8,0	7,0	Đạt	
53	CNTT2907	Dương Hồng	Hạnh	20/12/1993	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,0	Đạt	
54	CNTT2908	Hoàng Hải	Hoàn	20/05/1993	Bắc Giang	Nam	7,7	7,0	Đạt	
55	CNTT2909	Nguyễn Huy	Hoàng	06/11/1985	Quảng Ninh	Nam	8,0	7,5	Đạt	
56	CNTT2910	Lê Văn	Hoạt	20/11/1988	Bắc Giang	Nam	8,2	8,5	Đạt	
57	CNTT2911	Hoàng Thị	Hương	24/11/1998	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	Đạt	
58	CNTT2912	Lê Thị	Hường	24/08/1976	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,5	Đạt	
59	CNTT2913	Đàm Trung	Kiên	08/04/1992	Bắc Giang	Nam	8,2	8,5	Đạt	
60	CNTT2914	Nguyễn Thị	Lanh	04/07/1978	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	Đạt	
61	CNTT2915	Lương Thị	Linh	16/12/1987	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	Đạt	
62	CNTT2916	Nguyễn Thành	Luân	19/07/1983	Bắc Giang	Nam	-	-	-	Vắng thi
63	CNTT2917	Nguyễn Văn	Nam	20/11/1993	Bắc Giang	Nam	8,0	7,0	Đạt	
64	CNTT2918	Nguyễn Thị	Nhâm	28/07/1986	Bắc Giang	Nữ	8,2	8,0	Đạt	
65	CNTT2919	Lê Thị	Oánh	02/10/1978	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
66	CNTT2920	Nguyễn Hoàng	Quân	01/10/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	7,0	Đạt	
67	CNTT2921	Hoàng Thị Tú	Quyên	26/10/1992	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	Đạt	
68	CNTT2922	Nguyễn Trung	Thành	20/09/1989	Bắc Giang	Nam	8,0	7,5	Đạt	
69	CNTT2923	Đồng Thị	Thúy	06/12/1988	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,0	Đạt	
70	CNTT2924	Lê Thu	Thủy	30/06/1983	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	Đạt	
71	CNTT2925	Vũ Đức	Toàn	05/10/1977	Bắc Giang	Nam	8,0	8,5	Đạt	
72	CNTT2926	Bùi Thị Huyền	Trang	27/05/1993	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,5	Đạt	
73	CNTT2927	Nguyễn Đức	Tú	01/08/1990	Bắc Giang	Nam	8,0	7,0	Đạt	
74	CNTT2928	Ninh Quang	Tuấn	08/08/1999	Bắc Giang	Nam	8,2	7,5	Đạt	
75	CNTT2929	Cao Thị Minh	Tuyết	18/02/1995	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	Đạt	
76	CNTT2930	Nguyễn Thảo	Xuân	10/06/2006	Tây Ninh	Nữ	7,0	8,0	Đạt	

Số thí sinh theo danh sách: 76

Số thí sinh vắng thi: 1

Số thí sinh dự thi: 75

Số thí sinh đạt yêu cầu: 75

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang ngày 21 tháng 12 năm 2023

TRƯỞNG BAN THU KÝ

Nguyễn Công Thành